

NHIẾP ĐẠI THỪA LUẬN THÍCH

QUYỂN 14

THẮNG TƯỚNG THỨ MƯỜI (Tiếp Theo)

L2. GIẢI THÍCH TRÍ SAI BIỆT TƯỚNG THÙ THẮNG (Tiếp Theo)

Luận nói: Có mấy thứ Phật pháp phải biết nhiếp Pháp thân này?

Giải thích: Không vì làm rõ nhiếp thể của Pháp thân, cho nên đặt ra câu hỏi này, mà vì làm rõ nhiếp Pháp thân chứng đắc cho nên đặt ra câu hỏi này.

Luận nói: Nếu lược nói có sáu thứ.

Giải thích: Nếu rộng nói thì có vô lượng, nhưng nay lược nói cho nên chỉ nói có sáu thứ.

Luận nói: 1. Thanh tịnh loại pháp.

Giải thích: diệt tận phẩm Bất tịnh chứng đắc Pháp thân, gọi là pháp thanh tịnh. Làm sao đắc pháp thanh tịnh này?

Luận nói: Do chuyển A-lê-da thức làm y.

Giải thích: Khi đối trị khởi thì lia một phần phẩm Bất tịnh của Bản thức cùng với một phần phẩm Tịnh tương ứng của bản thức, gọi là chuyển y.

Luận nói: Do chứng đắc Pháp thân.

Giải thích: Do Chuyển y này, sau đạo Kim Cương đắc Pháp thân, ngoài diệt đức ra thì các đức khác gọi là pháp thanh tịnh chứng đắc loại cho nên gọi là loại pháp thanh tịnh.

Luận nói: 2. Quả báo loại pháp.

Giải thích: Có pháp của Như Lai là quả báo loại, như các trí thấy sắc gọi là pháp quả báo. Làm sao đắc pháp quả báo này?

Luận nói: Do chuyển căn hữu sắc làm y.

Giải thích: Khi đối trị khởi thì diệt năm căn sắc thức của nhãn... gọi là Chuyển y.

Luận nói: Do chứng đắc quả báo thắng trí.

Giải thích: Do chuyển y này, chư Phật đắc quả báo loại trí. Trí này trong năm trần chính là năm căn thuộc nơi sinh ra thức của chúng sinh trong mười phương thế giới. Trí này khởi trong năm trần cho nên gọi là loại quả báo. Loại pháp quả báo này là loại chứng đắc, nên gọi là loại pháp quả báo.

Luận nói: 3. Trụ loại pháp.

Giải thích: Như Lai chứng đắc khắp tất cả Pháp gọi là trụ pháp. Làm sao đắc trụ pháp này?

Luận nói: Do chuyển thọ hành dục trần làm y.

Giải thích: Khi đối trị khởi, thì diệt thọ hành dục trần thức của thế gian, cho nên gọi là chuyển y.

Luận nói: Do vô lượng trí tuệ trụ.

Giải thích: Do chuyển y này mà Như Lai đắc vô lượng trí, trụ vô lượng cảnh đều không quên mất, trí này trong thọ hành dục trần xúc thì có khi bị quên mất. Thức tức là thể của Tứ Bất hộ thể, trụ loại pháp này là chứng đắc loại cho nên gọi là trụ loại pháp.

Luận nói: 4. Tự trụ loại pháp.

Giải thích: Đối với tất cả xứ năng lực thù thắng vô ngại, gọi là pháp tự tại. Làm sao đắc tự tại pháp này?

Luận nói: Do chuyển nhiều loại nghiệp nên nhiếp tự tại làm y.

Giải thích: Trong thế gian có nhiều loại nghề nghiệp, như cấy cày, buôn bán... Hoặc tích tụ tài vật, nhiếp nhiều loại sự nghiệp này, khi đối trị khởi thì diệt thức của các nghiệp này, cho nên gọi là chuyển y.

Luận nói: Do đây mà đối với tất cả mười phương thế giới có sáu thông vô ngại và trí tuệ tự tại.

Giải thích: Do chuyển y này, đối với mười phương thế giới đắc sáu thông vô ngại và trí tuệ tự tại. Pháp tự tại này là loại chứng đắc nên gọi là pháp loại tự tại.

Luận nói: 5. Loại pháp ngôn thuyết.

Giải thích: Như Lai có pháp bất cộng đắc bốn thứ vô ngại giải. Trong chánh thuyết có đầy đủ năng lực thù thắng, nên gọi là pháp ngôn thuyết. Làm sao đắc pháp ngôn thuyết này?

Luận nói: Do chuyển tất cả thấy, nghe, hiểu, biết ngôn thuyết làm Y.

Giải thích: Trong thế gian, có bốn thứ ngôn thuyết thấy, nghe, hiểu, biết, nương vào cảnh của sáu thức khởi ý thức phân biệt. Do phân biệt này mà sinh bốn thứ ngôn thuyết. Khi đối trị khởi thì diệt thức ngôn

thuyết này, gọi là chuyển y.

Luận nói: Do đây có thể no đủ tất cả tâm chúng sinh, chánh thuyết trí tự tại.

Giải thích: Do chuyển y này mà Như Lai trong bốn thứ ngôn thuyết đặc pháp bất cộng thuộc bốn vô ngại giải, có thể xứng với cần tánh chúng sinh. Thuyết pháp như ý đều khiến cho đắc quả, vì ngôn thuyết pháp này là loại chứng đắc nên gọi là loại pháp ngôn thuyết.

Luận nói: 6. Bạt tế loại pháp.

Giải thích: Là ý lợi ích an lạc chúng sinh của chư Phật tức là đại bi. Làm sao được cứu vớt này?

Luận nói: Do chuyển ý cứu giúp tất cả tai họa tội lỗi làm y.

Giải thích: Trong thế gian, như sự khởi tai họa của vua, Bồ-tát xưa kia do thiện hữu lực, tự thế lực, tài vật lực... cứu giúp tai họa tội lỗi của chúng sinh. Khi đối trị khởi, thì diệt thức cứu độ này gọi là chuyển y.

Luận nói: Tùy tất cả tai họa tội lỗi của chúng sinh này mà cứu độ nên được trí tự tại.

Giải thích: Do Chuyển y này mà có thể như ý bạt tế tất cả tai họa tội lỗi của chúng sinh, pháp cứu độ này là loại chứng đắc, gọi là loại bạt tế.

Luận nói: Như vậy chỗ nhiếp của sáu thứ loại pháp, phải biết là Pháp thân của chư Phật Như Lai.

Giải thích: Sáu pháp này, bốn thứ trước là tự lợi, hai thứ sau là lợi tha. Lợi tha có hai thứ: 1. Vĩnh lợi. 2. Tạm lợi. Vĩnh lợi là chân thật. Tạm lợi là giả danh. Hai thứ này loại chứng đắc của Pháp thân. Nói nhiếp pháp phải biết như vậy.

Luận nói: Pháp thân của chư Phật là có thể nói là khác nhau hay là không khác nhau?

Giải thích: Mười phương chư Phật là đồng một Pháp thân hay là có khác?

Luận nói: Do y chỉ nghiệp ý dụng không khác, nên biết không sai biệt.

Giải thích: Chư Phật đồng lấy Pháp thân làm y chỉ, đối với chúng sinh lợi ích an lạc ý dụng cũng đồng. Trong chúng sinh hiện thành chánh giác cho đến nhập Niết-bàn, thì nghiệp này cũng đồng. Do nghĩa này nên phải biết Pháp thân của chư Phật không có sai biệt.

Luận nói: Do vô lượng sự của chánh giác, phải biết có sai biệt.

Giải thích: Có chư Phật đối với Pháp thân đã đắc chánh giác cho đến đã nhập Niết-bàn, có chư Phật chứng đắc Chánh Giác, có chư Phật

đang đắc chánh giác cho đến nhập Niết-bàn cũng vậy. Như vậy có vô lượng sự trước sau bất đồng, do đó phải biết Pháp thân có sai biệt.

Luận nói: Như Pháp thân, Thọ dụng thân cũng như thế.

Giải thích: Ứng thân của chư Phật không có sai biệt, có khác nhau như Pháp thân.

Luận nói: Do y chỉ nghiệp không khác nhau nên phải biết không có sai biệt.

Giải thích: Ứng thân của mười phương chư Phật đồng y chỉ Pháp thân. Vì y chỉ không khác cho nên Ứng thân không có sai biệt. Ứng thân lấy Hóa thân làm nghiệp. Ứng thân của chư Phật đều làm y chỉ của Hóa thân, khởi nghiệp đồng với Hóa thân cho nên không có sai biệt.

Luận nói: Không do có thể y chỉ sai biệt cho nên không sai biệt, vì vô lượng y chỉ chuyển y.

Giải thích: Vô lượng Bồ-tát tu đạo Chuyển y, như số lượng của Bồ-tát thì Ứng thân cũng vậy, không do y chỉ không sai biệt cho nên nói vô sai biệt. Do thân mỗi mỗi khác nhau, Ứng thân cũng vậy, cho nên có sai biệt.

Luận nói: Biến Hóa thân, phải biết như Thọ dụng thân.

Giải thích: Do nương Pháp thân, cho nên không có sai biệt. Do nương Ứng thân cho nên có sai biệt.

Luận nói: Pháp thân này phải biết, cùng với mấy thứ công đức tương ứng? Cùng với bốn thứ vô lượng của bốn pháp thanh tịnh tương ứng, cùng với tám thứ giải thoát, tám thứ chế nhập, tất cả mười nhập, nguyện trí vô tránh Tam-ma-đề, bốn vô ngại giải, sáu thông tuệ, ba mươi hai tướng của bậc đại nhân, tám mươi vẻ đẹp, bốn loại tất cả tướng thanh tịnh, mười lực, bốn pháp vô úy, bốn bất hộ, ba niệm xứ, pháp bạt trừ tập khí mất hết, đại bi mười tám pháp bất cộng, tất cả tướng và trí tối thắng, chư pháp tương ứng.

Giải thích: Thân này cùng với các pháp công đức tương ứng, cho nên gọi là Pháp thân. Vì muốn làm rõ pháp tương ứng do đó đặt câu hỏi này.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Kệ có hai nghĩa: 1. Hiển công đức của Như Lai. 2. Hiển cung kính người có công đức.

Luận nói:

*Nơi chúng sinh đại bi,
Lìa các ý trời buộc,
Không lìa ý chúng sinh,*

Ý lợi lạc đánh lễ.

Luận nói: Nơi chúng sinh đại bi.

Giải thích: Một bài kệ này hiển bốn vô lượng tâm. Câu kệ này thuyết minh đại bi.

Luận nói: Là các ý trói buộc.

Giải thích: Câu này thuyết minh đại bi là ý nhiệm trước và dục lạc của chúng sinh.

Luận nói: Không là ý chúng sinh.

Giải thích: Câu này thuyết minh đại hỷ. Chúng sinh nếu đã là khổ thọ lạc, thì hằng đối với lạc khởi tâm vui vẻ.

Luận nói: Ý lợi lạc đánh lễ.

Giải thích: Câu này thuyết minh đại xả. Xả không bạt khổ và lạc ý, thường ôm ý lợi lạc. Lại nữa, xả các tướng oán thân, thường ôm ý lợi lạc bình đẳng. Do có đức này, cho nên đánh lễ. Lại nữa, là các ý trói buộc là thuyết minh là tâm bi của ngoại đạo và Nhị thừa. Bi tâm của ngoại đạo duyên chúng sinh mà khởi, nên thành trói buộc. Bi tâm của Nhị thừa duyên pháp mà khởi nên thành trói buộc. Đại bi của Như Lai không duyên hai thứ này mà khởi cho nên nói là là. Đại bi đã như thế, đại từ cũng vậy. Không là ý chúng sinh là tuy là duyên chúng sinh và pháp, nhưng Như Lai đối với chúng sinh thường không là bốn tâm vô lượng. Đối với chúng sinh có khổ thì không là ý bạt trừ (nhỏ gộc) khổ. Đối với chúng sinh không có vui thì không là ban cho ý vui. Đối với chúng sinh đã là khổ được vui, thì không là ý hoan hỷ. Đối với chúng sinh như vậy mà không là ý bình đẳng và lợi lạc. Đánh lễ, là khiến cho đắc lợi ích xuất thế làm lợi ích, khiến cho đắc lợi ích của thế gian làm lợi lạc. Bốn tâm vô lượng có đủ hai thứ lợi ích.

Luận nói:

*Giải thoát tất cả chướng,
Hàng phục các thế trí,
Phải biết trí đầy khắp,
Tâm giải thoát đánh lễ.*

Luận nói: Giải thoát tất cả chướng.

Giải thích: Một bài kệ này làm rõ ba Đức. Câu thứ nhất này thuyết minh tám giải thoát. Tám giải thoát trừ hai thứ chướng: 1. Chướng tu tập. 2. Chướng thắng loại. Tám giải thoát có đủ hai nghĩa: 1. Vô lưu. 2. Cứu cánh. Vì vô lưu cho nên trừ chướng tu tập, tức là các hoặc của kiến đế. Vì cứu cánh cho nên trừ chướng thắng loại, tức là tâm hạ liệt (thấp kém).

Luận nói: Hàng phục các thế trí.

Giải thích: Câu này thuyết minh tám thứ chế nhập, là vô lưu không phải cứu cánh, là cứu cánh không phải vô lưu, thuộc tám thứ chế nhập, khác với tám giải thoát. Vì tâm có thể chế phục cảnh, khiến cho cảnh theo tâm, cho nên gọi là hàng phục thế trí, tức là Phật.

Luận nói: Phải biết trí đầy khắp.

Giải thích: Câu này thuyết minh mười thứ tất cả nhập, phải biết là mười cảnh. Trí duyên mười cảnh khắp tất cả xứ cho nên gọi là đầy khắp.

Luận nói: Tâm giải thoát đảnh lễ.

Giải thích: Tâm đối với ba xứ này đều được giải thoát.

Luận nói:

*Các chúng sinh vô dư,
Giỏi diệt tất cả hoặc,
Hại hoặc có nhiễm ô,
Thường lân mẫn đảnh lễ.*

Luận nói: Các chúng sinh vô dư, giỏi diệt tất cả hoặc”

Giải thích: Bài kệ này thuyết minh tam muội vô tránh. Phàm có tạo tác thì không khởi tất cả phiền não tranh cãi của chúng sinh.

Luận nói: Hại hoặc có nhiễm ô, thường lân mẫn đảnh lễ.

Giải thích: Phật có khả năng hại hoặc của chúng sinh. Chúng sinh có nhiễm ô thì Như Lai thường khởi tâm thương xót.

Luận nói:

*Vô công dụng, vô trước,
Vô ngại hằng tịch tĩnh.*

Giải thích: Nửa bài kệ này thuyết minh nguyện trí. Đối với ba đời tất cả sự cầu muốn biết làm nguyện. Tất cả sự Như Lai chứng biết làm trí. Tu tập thành thực cho nên gọi là Vô công dụng. Hết tập khí cho nên vô trước. Do hai nghĩa đều có thể chứng biết đối với cảnh của ba đời. Như lượng có thể chứng biết cho nên gọi là vô ngại. Như Lai hằng không ra khỏi quán cho nên gọi là tịch tĩnh. Tịch tĩnh làm rõ Vô công dụng, vô ngại làm rõ vô Trước.

Luận nói:

*Tất cả chúng sinh hỏi,
Năng giải ta đảnh lễ.
Nơi y và năng y,
Phải ngôn thuyết và trí,
Nơi năng thuyết vô ngại,*

Ta đánh lễ người thuyết.

Luận nói: Tất cả chúng sinh hỏi, năng giải ta đánh lễ.

Giải thích: Một nửa bài kệ sau thuyết minh bốn vô ngại giải. Do đủ bốn giải này cho nên có thể thích ai nấy hỏi.

Luận nói: Nơi y và năng y, phải ngôn thuyết và trí.

Giải thích: Sở y là nghĩa, năng y là các pháp môn. Phải ngôn thuyết là phương ngôn. Trí là khéo biện luận.

Luận nói: Nơi năng thuyết vô ngại.

Giải thích: Trong bốn thứ này công năng vô ngại, nói cho người khác cũng vô ngại.

Luận nói: Ta đánh lễ người thuyết.

Giải thích: Đã lìa hoặc và ái, những gì nói ra không nhớ bản, có đức có thể thuyết pháp cho nên gọi là người thuyết.

Luận nói:

*Nhiếp thọ trụ và xả,
Biến hóa và đổi tánh.
Đắc định, trí tự tại,
Ta đánh lễ Thế Tôn.*

Giải thích: Kệ này thuyết minh sự thông tuệ. Nếu thọ mạng phải hết, thì có thể nhiếp thọ khiến cho lâu dài cho đến tám vạn đại kiếp, và không phải chỉ có tám vạn đại kiếp mà thôi, muốn trụ nhiều kiếp cũng có thể trụ như ý, muốn xả thì cũng có thể xả như ý. Lại nữa, trong các định cũng có ba khả năng (nhiếp trụ xả) này. Từ trong một thân phân ra vô lượng thân là biến hóa, chuyển đổi đất thành vàng là đổi tánh. Thông tuệ đều do định thành, như ý vô ngại, cho nên nói đắc định thì trí tự tại.

Luận nói:

*Chúng sinh thấy Thế Tôn,
Kính tin là Thắng Sĩ,
Do năng sinh thanh tịnh,
Ta đánh lễ tịnh tâm.*

Giải thích: Một bài kệ này thuyết minh chung ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật. Chúng sinh thấy tướng lớn và tướng nhỏ của Phật, sinh tín tâm và cung kính, gọi Như Lai là bậc Sĩ tối thắng. Tướng nhỏ và lớn của Như Lai có thể sinh tâm thanh tịnh của chúng sinh.

Luận nói:

Nên tùy tâm loại kia,

*Hành qua lại xuất ly,
Chúng biết các chúng sinh,
Ta đành lễ Chánh giáo.*

Giải thích: Kệ này thuyết minh bốn thứ tất cả tướng thanh tịnh, tùy hình loại và âm thanh ngôn từ của chúng sinh mà thị hiện. Như chúng sinh kia quá khứ thọ sinh gọi là qua, hiện tại thọ sinh gọi là lại (hoàn). Hành trong hai đời, đặc đạo quả ba thừa gọi là xuất ly. Phật đều chứng biết sự này, như sự ứng mà nói Chánh giáo cho họ. Do được bốn thứ thanh tịnh cho nên có khả năng này.

Luận nói:

*Phương tiện, quy y, tịnh,
Trong đó chướng chúng sinh,
Xuất ly nơi Đại thừa,
Ta đành lễ Tội ma.*

Giải thích: Từ lúc xuất gia thọ giới cho đến pháp thế đệ nhất đều gọi là phương tiện. Từ khổ pháp nhẫn cho đến quả thứ hai gọi là quy y, vì đặc bốn niềm tin bất hoại. Quả thứ ba và thứ tư quả gọi là tịnh. Là dục cõi Dục cho đến cõi Vô sắc, mà trong đây hay chướng chúng sinh khiến cho không đắc các quả này. Nếu trong Đại thừa tu hạnh mười địa, xuất ly ba chướng, thì ma cũng ở trong đó gây chướng ngại. Do Như Lai có đủ mười lực, có thể vì chúng sinh mà hàng phục chúng ma.

Luận nói:

*Trí, diệt và xuất ly,
Chướng sự hay hiện thuyết,
Nơi tự, tha lưỡng lợi,
Ta đành lễ hàng tà.*

Giải thích: Kệ này thuyết minh bốn pháp vô úy. Trí tức là Nhất thiết trí vô úy. Diệt tức là lưu tận vô úy. Xuất ly tức là thuyết tận khổ đạo vô úy. Chướng sự tức là thuyết chướng đạo vô úy. Nếu có ngoại đạo vấn nạn Phật, không phải Nhất thiết trí; hoặc nói các lưu chưa hết, hoặc nói thuyết tận khổ đạo của Như Lai, tu pháp đó không thể khiến cho lìa khổ, nói chướng đạo pháp, khởi chướng này không hại cho đắc đạo... Như Lai trong đó vô úy, có thể hàng phục tà nạn.

Luận nói:

*Không chế, không tội lỗi,
Không nhiễm trược, không trụ,
Nơi các pháp không động,
Đảnh lễ vô hý luận.*

Giải thích: Kệ này thuyết minh bốn bất hộ. Không có sự cấm ngăn, thân, khẩu, ý mạng tự không có mười tội ác, không những không có tham, sân, tà kiến, phiền não mà tất cả phiền não đều đã diệt tận, không nhiễm các pháp cho nên nói không nhiễm trước không trụ, không khởi ý biết các pháp, biết các pháp, không còn học nghĩa nữa, là nơi phân biệt, trí tuệ đầy khắp cho nên nói không động. Sai lầm đã trừ cho nên nói vô hý luận.

Luận nói:

*Nơi chúng phục tha thuyết,
Chỗ xa lìa hai hoặc,
Vô hộ, vô vong thất,
Ta đành lễ nhiếp chúng.*

Giải thích: Kệ này thuyết minh ba niệm xứ. Nếu có chúng sinh trong đại tập nghe pháp Như Lai nói sinh hủy báng thì như Như Lai cũng không sân. Nếu có thể tin thọ, Như Lai cũng không ưa. Nếu không hủy báng không tin thọ, Như Lai cũng không bỏ, vì đối với ba lãnh vực này Như Lai thường khởi đại bi, lấy lực của phương tiện khéo thuyết chánh pháp khiến cho chúng sinh nhập lý. Trong đại chúng Như Lai có khả năng hàng phục chúng sinh như vậy, vì họ nói chánh pháp và không khởi hai hoặc sân, và dục. Đã không có sân dục thì biết không có vô minh. Không cần giữ gìn tâm cho nên không quên mất. Đại niệm đại bi, thường tự kiên cố cho nên không quên mất, vì đại bi này có thể giữ đại chúng.

Luận nói:

*Nơi lợi ích tha sự,
Thế Tôn vượt chớ thời,
Sở tác hằng không hư,
Ta đành lễ không mê.*

Giải thích: Mười phương vô lượng chúng sinh, trong một sát-na phải được lợi ích, Như Lai lấy sức mạnh đại bi, trong một sát-na đều khiến cho được lợi ích, không có bỏ luống qua, cũng không có chúng sinh nào khi đắc đạo mà chưa đến tham dự lợi ích đó, chớ thời đến mới vì họ thuyết pháp. Phàm có chỗ tạo tác thì đều phải ứng thời mới được lợi ích, cho nên việc đã làm không luống uổng. Mê là vô minh. Vô minh là thể của tập khí. Do tập khí hết sạch cho nên lợi ích không hư vọng.

Luận nói:

Nơi tất cả hạnh trụ,

*Vô phi viên trí sự,
Biết khắp tất cả đời,
Ta đành lẽ thật thể.*

Giải thích: Kệ này thuyết minh không quên mất. Đã thọ sinh và chưa thọ sinh là hành. Chánh thọ sinh là trụ. Sự ba đời của chúng sinh đều là cảnh của trí viên mãn, có thể biết khắp ba đời. Lấy Chân như làm thể cho nên gọi là thật thể. Do trí Viên của thật thể cho nên không quên mất. Lại nữa, Phật tại cõi người tu mười địa làm hạnh, đặc Phật là trụ, trí viên mãn có thể thông đạt được nhân quả tự thân này. “Biết khắp tất cả đời” là thuyết minh có thể thông đạt sự ba đời của chúng sinh. Giải thích này thông với thuyết minh có thể biết tự mình và người.

Luận nói:

*Ngày đêm sáu thời quán,
Tất cả cõi chúng sinh,
Tương ứng với đại bi,
Ta lẽ ý lợi ích.*

Giải thích: Kệ này thuyết minh đại bi. Phật thường quán chúng sinh mà nói sáu thời là vì muốn làm mô phạm để dạy hành đạo. Có hạnh tự lợi và lợi tha, lấy sáu thời tu hạnh lợi tha, sáu thời tu hạnh tự lợi. Cõi chúng sinh tức là tánh chúng sinh. Tánh chúng sinh khác nhau, hoặc nhân ác sinh thiện, hoặc nhân thiện sự sinh thiện, hoặc nhân sự bố úy sinh thiện, hoặc nhân sự hoan hỷ sinh thiện. Đại bi giỏi xứng với tánh này mà hoá độ, đều tương ứng với đại bi. Căn và dục lạc cũng như thế.

Luận nói:

*Do hạnh và do đức,
Do trí và do sự,
Nơi tất cả Nhị thừa,
Ta đành lẽ vô đẳng.*

Giải thích: Kệ này nói đến mười tám pháp bất cộng. Hạnh là nhân, đức là quả. Trí là trí như lý như lượng. Sự tức là sự lợi ích chúng sinh. Mười tám pháp bất cộng không ngoài bốn nghĩa. Không cùng với Nhị thừa bằng nhau cho nên gọi là bất cộng.

Luận nói:

*Do ba thân chí tôn,
Đủ tướng Vô thượng Giác,
Tất cả các pháp tha nghi,
Ta đành lẽ năng trừ.*

Giải thích: Kệ này thuyết minh tất cả trí tướng tối thắng. Ba thân tức là ba đức, Pháp thân là Đoạn đức, Ứng thân là Trí đức, Hóa thân là Ân đức. Do ba thân này cho nên đầy đủ quả của tướng ba đức. Do đặc Vô thượng giác cho nên rất tối thắng. Trong tất cả pháp chúng sanh sinh nghi, Như Lai đều có thể vì họ mà đoạn trừ.

Luận nói:

*Không hệ, không tội lỗi,
Vô sắc trước, vô trụ,
Nơi các pháp không động,
Đảnh lễ vô hý luận.*

Giải thích: Kệ này làm rõ sáu thứ thanh tịnh của Như Lai: 1. Hoặc chướng thanh tịnh tức là không bị trói buộc, do diệt ba chướng của hoặc. 1. Nghiệp chướng thanh tịnh, là không có tội lỗi, do diệt hai mươi hai nghiệp chướng. 3. Báo chướng thanh tịnh, là không có Thô Trước, do trừ bảy thứ sinh tử. 4. Lợi ích thanh tịnh, là vô trụ, do đối với sinh tử và Niết-bàn không có cách trở. 5. Tự tại thanh tịnh, là không động đối với các pháp, không do công dụng, đối với tất cả pháp giải hiển hiện như ý. 6. Vô hý luận thanh tịnh, do vượt qua cảnh giới của ngôn ngữ giác quán tư duy. Ba thứ trước là thuyết minh tự lợi, ba thứ sau là thuyết minh lợi tha, cho nên nói đồng nhau là đồng với sáu thứ thanh tịnh này.

Luận nói: Pháp thân của chư Phật không những thường cùng với các công đức như vậy tương ứng, lại còn tương ứng với các công đức khác.

Giải thích: Chỗ thuyết minh công đức ở trước thông với Đại thừa và Tiểu thừa, đã nói Pháp thân tương ứng với công đức này, lại có Đại thừa với công đức không chung tương ứng với Pháp thân.

Luận nói: Là tự tánh của nghiệp nhân quả tương ứng, hành sự công đức tương ứng.

Giải thích: Trong đây lược nói 6 thứ công đức và Pháp thân tương ứng của Đại thừa. Đó là tự tánh của Pháp thân, nhân của Pháp thân, quả của Pháp thân, nghiệp của Pháp thân, tương ứng của Pháp thân, sinh Khởi của Pháp thân.

Luận nói: Cho nên phải biết Pháp thân của chư Phật có vô lượng công đức.

Giải thích: Trong Đại thừa và Tiểu thừa không cùng chung với thừa khác cho nên vô thượng.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Để làm rõ sáu thứ công đức này cho nên nói kệ.

Luận nói:

*Thế Tôn thành chân như,
Tu các địa xuất ly,
Thừa khác không đồng vị,
Giải thoát các chúng sinh.*

Luận nói: Thế Tôn thành chân như.

Giải thích: Câu này thuyết minh tự tánh của Pháp thân. “Thành tựu chân như” là vô cấu thanh tịnh. Nếu tại trước đạo hoặc giữa đạo, cấu nhiễm chưa hết thì chưa được gọi là thành tựu. Nếu sau đạo cấu nhiễm đã hết cho nên gọi là thành tựu. Chân như này làm tự tánh của Pháp thân.

Luận nói: Tu các địa xuất ly.

Giải thích: Câu này thuyết minh nhân của Pháp thân. Tại cõi người tu chân như, chỗ làm rõ mười địa cứu cánh, xuất ly ba phiền não chướng ngoài trong và tâm, tức là trí đoạn hai thứ chuyển y. Do chuyển y này mà đắc Pháp thân.

Luận nói: Thừa khác không đồng vị.

Giải thích: Câu này thuyết minh quả của Pháp thân. Nếu chứng quả của Pháp thân thì đắc bốn đức quả Tịnh, Ngã, Lạc, Thường. Tịnh không cùng với Xiển-đề đồng nhau, ngã không cùng với ngoại đạo đồng nhau, lạc không cùng với Thanh-văn đồng nhau, thường không cùng với Độc giác đồng nhau.

Luận nói: Giải thoát các chúng sinh.

Giải thích: Câu này thuyết minh nghiệp của Pháp thân. Nếu đắc quả này giải thoát chúng sinh, thì giải thoát của bốn thứ, là an lập thiện đạo và ba thừa. Nghiệp giải thoát phàm phu và người ba thừa.

Luận nói:

*Vô tận các công đức,
Tương ứng hiện nơi đời,
Nơi tam luân dễ thấy,
Khó thấy các nhân, thiên.*

Luận nói: Vô tận các công đức, tương ứng hiện nơi đời.

Giải thích: Hai câu này thuyết minh tương ứng của Pháp thân. Vô tận có năm thứ công đức cùng với Pháp thân tương ứng: 1. Thanh tịnh làm Thắng. 2. Tất cả làm thắng. 3. Vô lượng làm thắng. 4. Nan Tư làm thắng. 5. Vô tận làm thắng. Từ sơ địa đến địa thứ bảy, chỗ đối trị tập khí cấu của tật đố... vĩnh viễn diệt không sinh làm y chỉ. Các đức thanh tịnh làm thắng, cùng với Pháp thân tương ứng. Đối với địa thứ tám, thì

vô phân biệt, vô gián khuyết, tự nhiên vô lưu đạo làm y chỉ, chư Phật đối với các công đức của vô lưu giới, tất cả làm thặng, cùng với Pháp thân tương ứng. Đối với địa thứ chín, không thể tính lường Tam-ma-đề Đà-la-ni môn hải, cùng với Pháp thân tương ứng, có thể nhiếp vô lượng pháp trí làm y chỉ. Từ biển này sinh mọi thứ công đức đều lấy vô lượng làm thặng, cùng với Pháp thân tương ứng. Đối với địa thứ mười, hết thủy chỗ bí mật của Như Lai, thì hiện tiền chứng trí làm y chỉ, nan tư làm thặng, cùng với Pháp thân tương ứng. Vô tận tức là thường trụ, vì làm rõ thường trụ cho nên nói “hiện nơi đời”. Bốn công đức trước tuy căn cứ theo các địa để thuyết minh sai biệt của nó, đồng đến cực quả mới cứu cánh, đều tương ứng với Pháp thân.

Luận nói: Nơi Tam Luân dễ thấy, khó thấy các trời, người.

Giải thích: Hai câu này thuyết minh sinh Khởi. Tam Luân tức là ba thân. Ứng thân và Hóa thân trong ba thân thì dễ thấy, Pháp thân thì khó thấy. Lại nữa, Pháp thân đối với công hạnh sâu xa của Bồ-tát và chư Phật thì dễ thấy, đối với bốn loại chúng sinh thì khó thấy: 1. Phạm phu. 2. Thanh-văn. 3. Độc Giác. 4. Bồ-tát mới tu. Như Kinh nói: Như Lai tạng không phải cảnh giới đọa thân kiến của chúng sinh, không phải cảnh giới du hí điên đảo của chúng sinh, không phải cảnh giới tán loạn không của Bồ-tát. Tại sao vậy? Vì người phạm phu đối với các pháp của sắc... không có tánh như vậy, chấp có tánh ngã và ngã sở. Không thể tin ưa sống với Cam-lộ giới khi diệt lìa thân kiến huống nữa là cảnh giới chánh giác Như Lai tạng của chư Phật. Người Nhị thừa thì trong thường trụ tối thắng đáng tu thì lại tu điên đảo thường trụ tướng, du hí vô thường tướng, tu lạc ngã tịnh cũng vậy. Như vậy người Nhị thừa do tu điên đảo mà không thể đắc Pháp thân đạo của chư Phật, vì trong đó du hí, bốn đức tương ứng Pháp thân không phải là cảnh giới của Nhị thừa. Bồ-tát mới tu hành thì mê đạo lý không Như Lai tạng, tin ưa Không giải thoát môn, suy tính chấp cho rằng chấp diệt hữu Vật là không, cho rằng các pháp trước kia là hữu, sau khi đoạn diệt tức là không. Lại có các Bồ-tát, do đắc tướng không, tư duy quyết trạch nghĩa không, cho rằng lìa pháp của các sắc thì có riêng vật làm không, Ta nay tu hành để chứng cái không này, tương lai chắc chắn sẽ đắc, Như Lai tạng Không có phi vô làm lý, không phải cảnh giới của tâm tán loạn thiên chấp có và không. “Các nhân thiên” tức là bốn loại chúng sinh trước, Pháp thân thì thậm thâm cho nên không phải cảnh giới của nhân, thiên. Sinh khởi, đây là bốn loại chúng sinh mê hoặc hành đối với Pháp thân, có bốn sự này. Tự tánh thân trong tam luân, không phải nhân, thiên có thể thấy được.

Luận nói: Lại nữa, Pháp thân của Như Lai thậm thâm tối thậm thâm.

Giải thích: Vì khó thực hành, khó thông đạt và khó chứng cho nên nói thậm thâm tối thậm thâm. Lại nữa, ngôn thuyết khó thấu suốt cho nên gọi là thậm thâm, nghĩa lý sâu không đáy cho nên tối thậm thâm. Lại nữa, văn nghĩa khó lường cho nên gọi là thậm thâm, phẩm loại không phải một cho nên gọi là tối thậm thâm.

Luận nói: Thậm thâm này làm sao thấy được?

Giải thích: Lấy tướng gì có thể làm rõ thậm thâm này để khiến cho thấy được?

Luận nói: Trong đây nói Kệ.

Giải thích: Như chỗ làm rõ trong Đại thừa, nghĩa thậm thâm của Pháp thân có mười hai thứ, hiện tại dùng kệ để nói nghĩa này.

Luận nói:

*Phật vô sinh làm sinh,
Lấy vô trụ làm trụ,
Tác sự vô công dụng
Thức thứ tư làm Thực.*

Luận nói: Phật vô sinh làm sinh.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ nhất. Trong thậm thâm này lại có bốn thứ thậm thâm: 1. Sinh. 2. Bất trụ. 3. Nghiệp. 4. Trụ. Câu này thì thuyết minh sinh thậm thâm, chư Phật thọ sinh vô sinh làm tướng. Có mười thứ nhân làm chứng nghĩa này: 1. Cùng với vô minh không đồng tướng. 2. Chủng chủng bất đồng. 3. Nhiếp thọ tự tại. 4. Đối với trụ tự tại. 5. Đối với xả tự tại. 6. không có hai tướng. 7. Chỉ có tương tự hiển hiện. 8. đồng thí dụ huyễn hoá. 9. Vô trụ xứ làm trụ xứ. 10. Có thể thành tựu đại sự.

Luận nói: Lấy vô trụ làm trụ.

Giải thích: Câu này thuyết minh Bất trụ thậm thâm. Chư Phật đối với sinh tử Niết-bàn đều vô sở trụ, cũng có mười thứ nhân làm chứng nghĩa này: 1. Không phải chỗ lia vĩnh viễn. 2. Diệt bất tận. 3. Do chư Phật không phải hữu pháp. 4. Do tri không có vi tánh. 5. Vô sở đắc vô phân biệt. 6. Do đã lia tâm. 7. Do đắc tâm. 8. Do tâm bình đẳng. 9. Trụ nhân bất khả đắc. 10. Bất trụ nhân bất khả đắc.

Luận nói: Tác sự vô công dụng.

Giải thích: Câu này thuyết minh nghiệp thậm thâm, cũng có mười thứ nhân làm chứng: 1. Tất cả ngại diệt. 2. Vô y chỉ. 3. Phải khởi vô tư duy. 4. Tác giả bất tác tâm. 5. Nghiệp phi vận động. 6. Vô công dụng

đối với không có. 7. Do nguyện đời trước nhanh chóng. 8. Sở tác đã làm xong. 9. Phải làm sự chưa làm xong. 10. Do tu thành thực tự tại trong tất cả pháp.

Luận nói: Thức thứ tư làm thực.

Giải thích: Câu này thuyết minh trụ thậm thâm., cũng có mười nhân làm chứng: 1. Hiển thị chư Phật không trợ dưỡng cho tứ thực, để làm rõ tự thân do thực trụ. 2. Vì nuôi lớn thiện căn của chúng sinh. 3. Vì làm rõ đồng với nhân Loại. 4. Vì muốn khiến cho đệ tử như pháp học thọ dụng bốn thứ mạng duyên. 5. Muốn khiến cho người khác học hạnh tri túc. 6. Khiến cho người khác khởi chánh cần phương tiện. 7. Vì thành thực thiện căn cho người khác. 8. Vì muốn làm rõ tự thân vô nhiễm Trước. 9. Vì trị chánh pháp cung kính tâm. 10. Vì viên mãn bản nguyện sinh.

Nếu Như Lai do những nghĩa này mà thực, thì trong tứ thực là nghĩa nào? Là đệ tứ thực. Tứ thực là:

1. Phi thanh tịnh y chỉ trụ thực: là đoạn thực... tứ thực. Khiến cho cõi Dục chúng sinh thân được trụ tương tục, chúng sinh cõi Dục có đủ kiến phước và tu phước, y chỉ bất thanh tịnh, y chỉ này do tứ thực mà được trụ, cho nên gọi là phi thanh tịnh y chỉ trụ thực.

2. Tịnh Bất tịnh y chỉ trụ Thực: là nghiệp thức tiếp xúc với tam thực, khiến cho thân của chúng sinh cõi Sắc và cõi vô sắc được trụ tương tục. Chúng sinh hai cõi này đã lìa hoặc của cõi dưới, chưa lìa tự địa và hoặc của Thượng giới, chỗ y chỉ cũng là tịnh và bất tịnh. Y chỉ này do tam thực mà được trụ, cho nên gọi là tịnh bất tịnh y chỉ trụ thực.

3. Thanh tịnh y chỉ trụ thực: là đoạn thực... tứ thực, khiến cho thân của Thanh-văn và duyên giác được trụ tương tục. Ba cõi hoặc của người Nhị thừa đã tận, chỗ y chỉ thanh tịnh, y chỉ này do tứ thực mà được trụ, cho nên gọi là thanh tịnh y chỉ trụ thực.

4. Năng Hiển y chỉ trụ thực: là đoạn thực... tứ thực đều là thực của chư Phật, tại sao vậy? Vì chư Phật do thực này mà làm rõ tự thân được trụ nơi đời, vì sinh trưởng tịnh tín cho thí chủ, làm nhân công đức thiện căn, thực này không làm sự ăn uống của Như Lai. Khi Như Lai thực, chư thiên vì thọ thí cho các chúng sinh, là chỗ thừa nhận của Như Lai, chúng sinh do thực này sẽ được thành Phật, vì khiến cho chúng sinh được thành Phật, cho nên Như Lai thị hiện dùng tay chạm thức ăn. Các nghĩa như vậy đều là thậm thâm.

Luận nói:

Vô dị cũng vô lượng,

*Nhất sự vô số lượng,
Nghiệp tối kiên bất kiên,
Vô thượng xứng ba thân.*

Luận nói: Vô dị cũng vô lượng.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ hai. Trong thậm thậm này lại có ba thứ thậm thậm: 1. An lập. 2. Số. 3. Nghiệp. Câu này là thuyết minh an lập thậm thậm. Pháp thân của chư Phật không có sai biệt cho nên không khác, rất nhiều pháp y chỉ, do chứng đắc Pháp thân mà nhiều vô lượng.

Luận nói: Nhất sự vô số lượng.

Giải thích: Câu này thuyết minh số thậm thậm. Chúng sinh ba thừa không có số lượng, trong đó chỉ có Nhất sự của chư Phật.

Luận nói: Nghiệp tối kiên bất kiên, Vô thượng xứng ba thân.

Giải thích: Hai câu này thuyết minh nghiệp thậm thậm. Chư Phật có ba thân tương ứng, thật thể thường trụ cho nên gọi là vô thượng. Do Ứng thân của Như Lai nghiệp kiên cố không thể chuyển đổi, vì chân Thật, do Hóa thân của Như Lai nghiệp không kiên cố, do quyền biến lấy phương tiện dẫn xuất Nhị thừa, sau đó dùng Ứng thân giáo hoá cho Nhị thừa kia tu Bồ-tát đạo.

Luận nói:

*Không pháp nào năng giác,
Không pháp nào chẳng giác,
Mỗi mỗi niệm vô lượng,
Sở nguyện hữu, bất hữu.*

Luận nói: Không pháp nào năng giác.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ ba chánh giác. Nhân pháp cả hai chẳng có. Sở giác đã không nên năng giác cũng không.

Luận nói: Không pháp nào chẳng giác.

Giải thích: Chư Phật do giả danh cho nên đều là Phật, cho nên không một pháp nào không phải giác. Giác pháp này thì thế nào?

Luận nói: Mỗi mỗi niệm vô lượng.

Giải thích: Mỗi mỗi sát-na, vô lượng chư Phật chánh giác chân như. Nếu như thế thì chư Phật cùng với chân như là một hay khác? Nếu khác thì không có chân như.

Luận nói: Chỗ làm rõ có, không có.

Giải thích: Tất cả pháp gọi là có, không có là tất cả các pháp không. Chư Phật là chỗ làm rõ của các pháp không, cho nên không thể

nói năng giác, cũng không thể nói bất giác.

Luận nói:

*Vô dục, vô ly dục,
Y dục đắc xuất ly,
Đã biết dục, vô dục,
Nên nhập dục pháp Như.*

Luận nói: Vô dục, vô ly dục.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ tư ly dục. Do dục không có cho nên Như Lai vô dục. Từ xưa đến nay vô dục cho nên không có lìa dục. Nếu dục là có thì có thể có lìa dục, nhưng dục vốn không nên không ly dục.

Luận nói: Y dục đắc xuất ly.

Giải thích: Các Bồ-tát vĩnh viễn trừ thượng tâm dục, chỉ còn sót lại tùy miên dục, chư Bồ-tát được xuất ly thành Phật. Tại sao vậy? Nếu không còn sót lại tùy miên dục thì đồng với Niết-bàn của Nhị thừa. Nếu không trừ thượng tâm dục thì không khác với phàm phu. Như Kinh Vô thượng Y nói: Bồ-tát khởi niệm như vậy: Các hoặc xưa nay vốn không nhập tự tánh thanh tịnh tâm của chúng sinh. Các hoặc chỉ là khách trần, chỗ khởi của tự phân biệt. Ta nay có thể trừ khách trần phiền não cho các chúng sinh, có thể thuyết chánh giáo như lý cho họ. Do niệm này mà Bồ-tát không khởi tâm hèn mọn, Bồ-tát do niệm này mà đối với chúng sinh sinh quý kính tâm. Chư Bồ-tát lại khởi niệm: Các hoặc vô lực vô năng, tại sao vậy? Các hoặc không có y chỉ chân thật, chỉ có các hoặc hư vọng phân biệt. Sở quán của như lý chánh tư duy không khởi thêm trái nghịch, cho nên chúng ta phải khởi quán như vậy. Do quán này mà các hoặc không sinh nhiễm trước nữa. Nếu các hoặc không nhiễm trước trở lại thì đó là tối thiện, không phải là nhiễm trước. Nếu ta ái hoặc nhiễm trước, thì Ta làm sao vì chúng sinh giải trừ phiền não trói buộc, thuyết chánh giáo như lý? Hoặc này có thể khiến cho sinh tử tương tục, tương ứng với thiện căn, thành thực chúng sinh, do đó Ta nay phải nhiếp giữ hoặc này.

Luận nói: Đã biết dục vô dục, nên nhập dục pháp Như.

Giải thích: Bồ-tát thấy dục là phân biệt tánh cho nên dục không có. Dục không có tướng tánh tức là dục pháp chân như. Bồ-tát đã biết dục không có thì được nhập chân như này, ra khỏi dục được.

Luận nói:

*Chư Phật quá năm ấm,
Trong năm ấm mà trụ,*

*Với ấm phi nhất dị,
Không xả ấm, Niết-bàn.*

Luận nói: Chư Phật quá năm ấm, trong năm ấm mà trụ.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ năm diệt ấm. Chư Phật đã vượt qua sắc... năm thủ ấm, do không đắc năm ấm mà trụ trong pháp như của ấm.

Luận nói: Với ấm phi nhất dị.

Giải thích: Chư Phật đã xả ấm phân biệt, tánh y tha cùng với ấm không phải một, không phải khác. Tại sao vậy? Vì chỗ trụ chân như năm ấm của Phật là phân biệt y tha ấm gia pháp cho nên không khác. Do nghĩa này tuy là một, không phải không khác, chân như là cảnh giới thanh tịnh, ấm không phải cảnh giới thanh tịnh cho nên chẳng phải một.

Luận nói: Không xả ấm, Niết-bàn.

Giải thích: Do cùng với chân như của ấm vĩnh viễn tương ứng, nghĩa là không có xả lìa, cho nên Như Lai Bát Niết-bàn tối thắng.

Luận nói:

*Chư Phật sự tương tạp,
Cũng như nước biển lớn,
Ta đã chính phải làm
Sự khác không nghĩ vậy.*

Luận nói: Chư Phật sự tương tạp, cũng như nước biển lớn.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ sáu thành tựu. Chư Phật và chúng sinh cùng đồng lợi ích sự, cũng như nhiều sông chảy vào biển lớn, đồng làm sự thọ dụng của cá rùa... Như vậy chư Phật cùng nhập pháp giới, chân như bình đẳng làm sự lợi ích, thành tựu chúng sinh.

Luận nói: Ta đã chính phải làm, sự khác không nghĩ vậy.

Giải thích: Ta đã làm sự lợi ích cho người khác, đang làm và sẽ làm, trong ba đời đều không có khởi ý dẫn đo. Tuy không khởi ý nhưng lợi ích sự được thành như pháp. Ví như ngọc Ma-ni Bảo và trống trời, không có khởi ý mà làm thành sự.

Luận nói:

*Do lỗi Tôn không hiện,
Như trăng trong chậu vỡ,
Đầy khắp các thế gian,
Pháp Quang như mặt trời.*

Luận nói: Do lỗi Tôn không hiện, như trăng trong chậu vỡ.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ bảy hiển hiện. Chư Phật nơi thế gian không hiển hiện, nhưng thế gian nói thân của chư Phật thường trụ. Nếu thân thường trụ thì tại sao không hiển hiện? Ví như nước trong chậu vỡ không được trụ, do nước không trụ, cho nên trăng thật có không được hiển hiện trong chậu vỡ. Các chúng sinh như vậy không có Xa-ma-tha mềm mại tương tục, chỉ có tội lỗi tương tục, thì đối với thật có chư Phật cũng không hiển hiện. Nước là ví dụ cho tánh Xa-ma-tha mềm mại. Nếu Phật không hiện thì lẽ nào không có Phật hay sao?

Luận nói: Đây khắp các thế gian, pháp Quang như mặt trời.

Giải thích: Hoặc chư Phật đối với chỗ thấy của chúng sinh không phải có sai lầm, cũng hằng làm chánh sự của chư Phật, thuyết mười hai bộ Kinh của ba thừa, cũng như ánh sáng, quyết định là chư Phật phải gieo giống thành thực các sự lợi ích giải thoát. Như người mù bẩm sinh trong thế gian, tuy không thấy mặt trời và ánh sáng hằng chiếu soi tất cả sắc tượng, nhưng vì khiến cho người có mắt được thấy.

Luận nói:

*Hoặc hiện đắc chánh giác,
Hoặc Niết-bàn như lửa,
Hai sự này không có,
Vì chư Phật thường trụ.*

Luận nói: Hoặc hiện đắc chánh giác, hoặc Niết-bàn như lửa.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ tám Bồ-đề Niết-bàn. Chư Phật có nơi hiện đắc chánh giác, có nơi hiện Bát Niết-bàn, ví như tánh lửa, có nơi thì rực cháy, có nơi thì âm ỉ. Chư Phật cũng vậy, có các chúng sinh đã thành thực thì Như Lai đối với chúng sinh đó làm rõ Bát Niết-bàn, đối với chúng sinh chưa thành thực thì hiện đắc chánh giác, để được thành thực và giải thoát, ví như tánh lửa do chủng loại là một, Pháp thân cũng vậy, do tánh chân như là một.

Luận nói: Hai sự này không có, vì chư Phật thường trụ.

Giải thích: Bồ-đề Bát Niết-bàn là hai, chỉ do tâm kẻ khác biến đổi, khiến họ nói có hai thể. Thật ra không có, vì thân của Như Lai thường trụ không có trước và sau.

Luận nói:

*Như Lai nơi ác Sự,
Cõi người và ác đạo,
Nơi pháp phi phạm hạnh,
Trụ đệ nhất, trụ ngã.*

Giải thích: Một bài kệ này thuyết minh thậm thâm thứ chín trụ. Chư Phật Như Lai trụ nơi tối thắng trụ, trụ tối thắng ngã. Chư Phật nếu trụ không lìa hai xứ này, thì hoặc là trụ tối thắng trụ, hoặc là trụ tối thắng ngã. Ác sự là tất cả pháp bất thiện, Như Lai đối với pháp bất thiện hằng trụ tối thắng. Tối thắng trụ là định chân không, tức là chỗ trụ của bậc Thánh. Chúng sinh nếu ở trong cõi người, hoặc trong ác đạo, thì Như Lai duyên chúng sinh đó mà trụ. Hoặc do đệ tứ định, tức là chỗ trụ của trời, là tối thắng trụ, hoặc do đại bi tức là phạm trụ, là tối thắng trụ. Đối với pháp phi phạm hạnh là lục trần nhiễm trước, trong đây Phật trụ tối thắng Ngã. Tối thắng ngã tức là pháp giới thanh tịnh, Như Lai hằng quán Lục trần không (trống rỗng) làm cảnh, tức là Phật trụ.

Luận nói:

*Phật hành tất cả xứ,
Cũng không hành xứ nào,
Nơi tất cả sinh hiện,
Phi cảnh giới lục căn.*

Luận nói: Phật hành tất cả Xứ.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ mười hiển hiện tự tại thể. Hậu trí của Như Lai trong pháp thiện ác vô ký hằng hành đầy khắp.

Luận nói: Cũng không hành xứ nào.

Giải thích: Do vô phân biệt trí, lìa cảnh giới của trí thì không thể phân biệt, cho nên không có hành một xứ nào. Lại nữa, do Hóa thân cho nên không có xứ nào mà không hành, do Pháp thân, Ứng thân không có xứ nào để hành.

Luận nói:

*Nơi tất cả sinh hiện,
Phi cảnh giới lục căn.*

Giải thích: Chư Phật Như Lai do Hóa thân, trong tất cả chúng sinh hiển hiện cụ tướng. Chư Phật do Hóa thân, cho đến chúng sinh trong địa ngục cũng thấy, thọ sinh nơi đó để vì hoá độ chúng sinh đó. Do chư Phật không hiện tựa biến hóa tánh, chúng sinh kia tuy thấy nhưng không thể biết rõ, vì cho là đồng loại. Hóa thân của Phật không phải sáu cảnh giới của chúng sinh ở địa ngục.

Luận nói:

*Các hoặc đã phục diệt,
Như chỗ hại độc chú,
Do hoặc đến, hoặc tận,*

Phật chứng tất cả trí.

Luận nói: Các hoặc đã chế phục, như chỗ hại độc chú.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ mười một diệt hoặc. Các hoặc là phiền não của kiến đạo và tu đạo. Trong Bồ-tát địa trước hết đã diệt hết, các tâm phiền não khác tuy chưa diệt hết, nhưng do công dụng phục trừ của trí và niệm, ví như có sự hại của nhiều uy lực độc chú không thể khôi phục lại bản năng, tâm mê hoặc cũng như thế. Do sự trì giữ của trí niệm nên hai hoặc nhiễm ô không thể sinh lại.

Luận nói: Do hoặc đến, hoặc tận, Phật chứng tất cả trí.

Giải thích: Chư Bồ-tát giữ lại tùy miên hoặc để làm trợ đạo phần, khác với Nhị thừa mau chóng Bát Niết-bàn, do sự này mà tu đạo rốt ráo, được diệt hết tập khí và chứng viên trí.

Luận nói:

*Đế hoặc thành giác Phần,
Sinh tử làm Niết-bàn,
Đắc thành đại phương tiện,
Nên Phật nan tư nghì.*

Luận nói: Đế hoặc thành giác phần.

Giải thích: Một bài kệ dưới đây thuyết minh thậm thâm thứ mười hai không thể nghĩ bàn. Do lưu hoặc lại mà được hết hoặc, tập đế của Nhị thừa trở thành giác Phần của Bồ-tát, như giác phần của Nhị thừa có thể diệt tập đế đó, nhưng Bồ-tát dùng Tập đế đó để diệt tâm hoặc, mà thành giác phần.

Luận nói: Sinh tử là Niết-bàn.

Giải thích: Nếu Tập đế là giác phần thì khổ đế tức là Niết-bàn. Tại sao vậy? Vì Chư Bồ-tát ở tại sinh tử mà không nhiễm ô, khởi hai thứ tự lợi và lợi tha đều được viên mãn, ví như Nhị thừa tại Niết-bàn hữu dư không bị hai hoặc làm nhiễm ô, có thể được tự lợi.

Luận nói: Đắc thành đại phương tiện, nên Phật khó nghĩ bàn.

Giải thích: Tại vị nhân đắc đại phương tiện là trí tuệ và đại bi, tại quả vị đắc đại phương tiện là ba thân, Pháp thân là phương tiện tự lợi, hai thân còn lại là phương tiện lợi tha, cho nên Như Lai không thể nghĩ bàn.

Luận nói: Do nghĩa này cho nên mười hai thứ thậm thâm, phải biết, là sinh bất sinh nghiệp trụ thậm thâm, an lập số nghiệp thậm thâm, chánh giác thậm thâm, ly dục thậm thâm, ấm diệt thậm thâm, thành thực thậm thâm, hiển hiện thậm thâm, Bồ-đề Bát-nhã hiển hiện thậm

thâm, trụ thậm thâm, hiển hiện tự thể thậm thâm, diệt hoặc thậm thâm và không thể nghĩ bàn thậm thâm.

Giải thích: Phật có ba thân, nếu chư Bồ-tát niệm Phật thì phải duyên thân nào? Phải duyên Pháp thân.

Luận nói: Chư Bồ-tát duyên Pháp thân để niệm Phật, niệm duyên này có mấy tướng”?

Giải thích: Pháp thân có vô lượng đạo lý sâu xa. Nếu duyên Pháp thân thì duyên mấy tướng?

Luận nói: Nếu lược nói Chư Bồ-tát nương vào Pháp thân tu tập niệm Phật thì có bảy thứ tướng.

Giải thích: Bảy thứ tướng này là chánh dụng của Pháp thân, tức là đức viên mãn của Pháp thân. Để làm rõ niệm Phật tu đức viên mãn này, cho nên lược nói bảy Tướng: 1. Đứaviên mãn của chư Phật thuộc tự tâm, do sáu thứ thần thông tự tại. 2. Đức thường trụ này là pháp thiện chân thật. 3. Không có sai lầm, diệt hết tập khí. 4. Không tha thiết, không có vô công dụng. 5. Thọ pháp lạc lớn do các độ thanh tịnh. 6. Không khổ, không nạn, không có nhiễm ô. 7. Có sự lợi tha về dụng bình đẳng. Nếu Bồ-tát nhớ niệm bảy thứ đức tròn đầy này thì có thể thông đạt Pháp thân. Người cần phải nương vào Pháp thân tu tập niệm Phật để làm rõ học tất cả môn Quán hành, đều duyên chân như được thành. Nếu không duyên chân như thì Quán hành không được thanh tịnh.

Luận nói: Những gì là bảy thứ? 1. Chư Phật đối với tất cả pháp tự tại vô song.

Giải thích: Ba đời chư Phật đối với cảnh của sáu thần thông tự tại tối thắng, người đồng loại không thể gây chướng ngại, người không đồng loại thì không phải chỗ theo kịp. Trong vị hữu tâm và vô tâm vị hăng không bỏ phước, vì tu tập thành thực, cho nên gọi là tự tại, không phải chỗ đắc của hàng Thanh-văn, Độc giác và Bồ-tát, lại cũng đối với thế gian không thể thí dụ, cho nên gọi là vô song.

Luận nói: Tu tập niệm Phật như vậy.

Giải thích: Khiến cho niệm này cùng Pháp thân thành một cho nên gọi là tu tập.

Luận nói: Đối với tất cả thế giới, cho đến đặc trí của sáu thần thông vô ngại và vô biên.

Giải thích: Chư Phật thành tựu sáu thần thông, nên đối với mười phương thế giới không có ai có thể cản trở tổn hại, không có giới hạn cùng cực, không đồng với Nhị thừa có ngăn cách và giới, thông tuệ của Như Lai tự tại vô song.

Luận nói: Trong đây nói Kệ.

Giải thích: Nếu chư Phật đối với tất cả pháp có tự tại vô song, tại sao tất cả chúng sinh đều không nhập Niết-bàn? Để giải thích vấn nạn này cho nên nói kệ. Kệ này vì làm rõ nhân này và do nhân này mà không nhập Niết-bàn.

Luận nói:

*Bị chướng nhân không đủ,
Tất cả cõi chúng sinh,
Trụ trong hai thứ định,
Chư Phật không tự tại.*

Luận nói: Bị chướng nhân không đủ.

Giải thích: Tất cả chúng sinh nếu có các chướng của nghiệp chướng, thì chư Phật trong vị này không thể khiến cho họ nhập Niết-bàn. Thông tuệ do bị chướng cho nên không đắc tự tại. Nếu chúng sinh không có tánh Niết-bàn thì gọi là nhân không đủ. Chư Phật trong vị này không thể khiến họ nhập Niết-bàn, thông tuệ cũng không có tự tại, không có tánh Niết-bàn, tức là do tham trước sinh tử không tin ưa Đại thừa.

Luận nói: Tất cả cõi chúng sanh, trụ trong hai thứ định, chư Phật không tự tại.

Giải thích: Cõi chúng sanh là bốn đại: Không, thức. Sáu cõi là thật, nương vào sáu cõi này giả lập chúng sinh. Chúng sinh là giả danh, có lục đạo sai biệt cho nên nói tất cả. Chúng sinh như vậy hoặc ở trong hai thứ định: 1. Chỗ tạo tác định nghiệp. 2. Quyết định thọ quả báo tạo định nghiệp là sự tạo mười thứ ác của phàm phu. Nghiệp quyết định phải chiêu cảm quả báo của bốn ác đạo. Định quả báo, là độn căn điên cuồng chúng sinh và chính thọ quả báo của bốn ác đạo. Như Lai đối với chúng sinh này cũng không có tự tại. Tại sao vậy? Vì không có ngoại duyên.

Luận nói: 2. Thân của Như Lai thường trụ.

Giải thích: Vì mười thứ nhân cùng chung chứng Pháp thân và nhiều đức thường trụ ba nhân chứng Pháp thân, bảy nhân chứng các thân khác. Ba nhân chứng Pháp thân như trong Luận nói.

Luận nói: Do chân như không gián đoạn nên giải thoát tất cả cấu nhiễm.

Giải thích: Đây là một trong ba nhân. Chân như là đạo sau chân như. Ngôi vị Vô gián tức là tâm Kim Cương của Phật, có thể diệt trừ vô minh vi tế tối hậu và không có sinh tử của hai đế khổ và tập, cho nên

nói giải thoát tất cả cấu nhiễm. Chân như vô cấu thanh tịnh này là pháp thường trụ, chư Phật lấy pháp thường trụ làm thân. Do thân này thường trụ, nên nương vào thân này mà có các đức và các đức cũng thường trụ. Thường trụ này lấy tánh chân thật làm tướng.

Luận nói: 3. Không lỗi của Như Lai vĩnh viễn lia tất cả hoặc chướng và trí chướng.

Giải thích: Trong tất cả chúng sinh có lỗi hoặc không lỗi, Như Lai hoàn toàn không lỗi vì nhân duyên của lỗi đã diệt tận, hiện tại đã diệt, vị lai không sinh, cho nên nói vĩnh viễn lia.

Luận nói: 4. Tất cả sự của Như Lai do vô công dụng mà thành.

Giải thích: Tác ý gọi là công dụng. Duyên ba đời đầy khởi là ta đã tạo tác, đang tạo tác và sẽ tạo tác, thì tác ý này là vô công dụng. Chỉ do lực của bản nguyện nên việc mà mình muốn làm tự nhiên đều được thành.

Luận nói: Không do công dụng, mà hằng khởi chánh sự vĩnh viễn không xả.

Giải thích: Nếu do công dụng mà có chánh sự thì có khởi và không khởi. Vì không do công dụng cho nên hằng khởi. Do bản nguyện vô tận cho nên vĩnh viễn không xả. Vì chúng sinh bất tận, nên bản nguyện cũng bất tận.

Luận nói: 5. Đại phú lạc vị của Như Lai.

Giải thích: Giàu có lớn do ngoại tài, an vui do chánh pháp.

Luận nói: Tất cả tối vi diệu thanh tịnh của cõi Phật là tướng an vui lạc và giàu có lớn.

Giải thích: Trong cõi tịnh có tám thứ không thể nắm bắt và hai thứ có thể chứng đắc, cho nên gọi là tối vi diệu thanh tịnh. Tám thứ không thể đạt được: 1. Ngoại đạo. 2. Chúng sinh có khổ. 3. Sinh sai biệt của tánh gia phú. 4. Người làm ác. 5. Người phá giới. 6. Ác đạo. 7. Hạ thừa. 8. Chư Bồ-tát hạ ý hạ hạnh. Hai thứ có thể đắc: 1. Phẩm tối thượng, là hành ý của Chư Bồ-tát. 2. Chư Như Lai hiển hiện nơi đời, chỗ trụ là tối ưu thanh tịnh, có thể trụ làm thanh tịnh vi diệu.

Luận nói: 6. Sự không nhiễm trước tối thắng của Như Lai.

Giải thích: Tâm hoặc trên là nhiễm. Tùy miên là vương mắc. Lại nữa, căn cứ theo hoặc chướng là nhiễm, trí chướng là vương mắc. Lại nữa, phiền não có hai tướng: 1. Lấy mừng làm tướng. 2. Lấy lo lắng làm tướng. dục, mạn, kiến... lấy hỷ làm tướng; sân, nghi, vô minh... lấy ưu làm tướng. Hỷ tướng lấy hoặc làm nhiễm, ưu tướng lấy hoặc làm trước. Cả hai hoặc đều diệt tận cho nên nói vô nhiễm trước.

Luận nói: Xuất hiện thế gian, không bị tất cả pháp thế gian làm nhiễm thế gian, như bụi không thể nhiễm ô hư không.

Giải thích: Nhân theo sự thành lập cho nên gọi là xuất thế. Quả thành cho nên gọi là hiện thế. Lại nữa, tự lợi viên mãn gọi là xuất thế, lợi tha viên mãn gọi là hiện thế. Hoặc là Phật xuất thế nhưng chưa hiện nơi đời, như đã thành đạo nhưng chưa chuyển pháp luân. Nếu chuyển pháp luân thì thế gian mới hiểu rõ Phật là tất cả trí. Là sự hiểu rõ của thế gian cho nên gọi là hiện thế. Như Lai tuy thọ dụng bốn duyên ăn, mặc... là nhằm sinh trưởng thiện căn của chúng sinh, không phải vì nuôi dưỡng tự thân. Trong duyên này không sinh ưu hỷ cho nên không làm chỗ nhiễm ô của Thế pháp. Hư không lấy chẳng có làm thể. Thế thì vô ngại cho nên không bị chỗ nhiễm của vật có, Như Lai cũng thế.

Luận nói: 7. Như Lai đối với thế gian có dụng việc lớn.

Giải thích: Như Lai xuất thế lấy Hóa thân thành đạo, cho đến Niết-bàn gọi là việc lớn, mọi việc làm lợi ích cho chúng sinh gọi là dụng.

Luận nói: Do hiện thành Vô thượng Bồ-đề và Đại Bát Niết-bàn nên chúng sinh chưa thành tựu thì khiến cho thành tựu, chúng sinh đã thành tựu thì khiến cho giải thoát.

Giải thích: Vì chúng sinh chưa gieo giống và chưa thành thực thì khiến cho gieo giống và thành thực mà hiện thành Bồ-đề. Chúng sinh đã thành thực nhưng chưa giải thoát thì khiến họ giải thoát mà hiện nhập Niết-bàn.

Luận nói: Trong đây nói kệ.

Giải thích: Trong đây nói hai bài kệ để thuyết minh lại bảy tướng, để làm rõ bảy thứ đức viên mãn của Pháp thân.

Luận nói:

*Tùy thuộc tâm Như Lai,
Đức thường đầy không đủ,
Vô công dụng. Năng thí,
Pháp lạc lớn chúng sinh.*

Luận nói: Tùy thuộc tâm Như Lai.

Giải thích: Đức tròn đầy của chư Phật là sáu thần thông... chỉ thuộc tự tâm, không quan hệ với ngoại duyên.

Luận nói: Thường.

Giải thích: Viên đức này do nương vào Pháp thân chân thật thiện thường trụ làm tánh thì Chúng đức đều Thường.

Luận nói: Không lỗi.

Giải thích: Do Pháp thân lia tất cả chướng. Do sở y không lỗi cho nên năng y cũng không lỗi.

Luận nói: Vô công dụng.

Giải thích: Do tu nhân và bản nguyện thành tựu, nên mọi Phật sự mình làm đều tự nhiên thành. Không khẩn thiết, không khó, cho nên nói Vô công dụng.

Luận nói: Năng thí pháp lạc lớn cho chúng sinh.

Giải thích: Do đặc cõi tịnh tự tại cho nên có bậc Thánh thọ pháp lớn, được mở rộng hạnh như lý, khiến cho hạnh như lý của người khác cũng được cho nên gọi là pháp lạc.

Luận nói:

*Biến hành không chướng ngại,
Bình đẳng lợi nhiều người,
Tất cả, tất cả Phật,
Người trí duyên niệm này.*

Luận nói: Biến hành không chướng ngại.

Giải thích: Đối với tám pháp thế, Hậu trí của Như Lai hằng phân biệt sự này. Vì không có tâm ưu phiền và vui vẻ nên trong đó đi khắp vô ngại. Nếu có ngại thì có khổ. Do vô ngại cho nên được an lạc. Chư Phật tuy hành sáu pháp lục độ, nhưng vượt hơn ngôn thuyết nên lia chấp có và chấp không.

Luận nói: Bình đẳng lợi nhiều người.

Giải thích: Phạm phu, Nhị thừa, mới hành Bồ-tát và thâm hành Bồ-tát gọi là nhiều người. Như Lai lợi ích bình đẳng, nói đại phú hành đạo thiện, hành an lạc, hành hạnh tự lợi, hành hạnh lợi tha, đồng thời có dụng đại sự.

Luận nói: Tất cả tất cả Phật, người trí duyên niệm này.

Giải thích: Tất cả, tức là phân ra từng số mục. Người trí là chư Bồ-tát. Chư Bồ-tát duyên bảy tướng này tức là niệm tất cả thân Phật.

